

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHOA KINH TẾ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**MÃ NGÀNH: 6340404**

**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-CDKTKT ngày 20 tháng 7 năm 2026  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh*

**NĂM 2026**



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Mã ngành: 6340404**

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương**

**Thời gian khóa học: 2 năm.**

### 1. Giới thiệu chương trình đào tạo:

Ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng là một lĩnh vực đào tạo đặc thù, kết hợp hài hòa giữa khoa học quản trị và nghệ thuật điều hành trong kinh doanh. Chương trình được thiết kế nhằm trang bị cho người học tư duy hệ thống để thiết lập, vận hành và cải tiến hiệu quả các quy trình sản xuất, cung ứng hàng hóa và dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu của xã hội. Với sự chú trọng vào cả lý thuyết chuyên sâu và năng lực thực hành thực tiễn, chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đáp ứng được yêu cầu Bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

### 2. Mục tiêu đào tạo:

#### 2.1. Mục tiêu chung:

Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh sẽ được trang bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các công việc thuộc về kinh doanh hoặc quản lý kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp; có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc. Chương trình không chỉ hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh mà còn được rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe tốt và tinh thần học tập suốt đời để thích nghi với môi trường kinh tế không ngừng biến động.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 2.2.1. Kiến thức:

###### 2.2.1.1. Kiến thức đại cương:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng vào đời sống và công việc;
- Mô tả được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản;
- Biết được các kiến thức về ngoại ngữ cơ bản.

###### 2.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành:

- Trình bày và giải thích được các kiến thức về Quản trị học như: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp;
- Trình bày và giải thích được các kiến thức về Kinh tế học như: trạng thái cân bằng của thị trường, điểm tiêu dùng tối ưu của người tiêu dùng và điểm sản xuất tối ưu của doanh nghiệp; Giải thích được các quy luật kinh tế, các biến số môi trường kinh doanh



tác động đến hoạt động của tổ chức.

- Trình bày và giải thích được các kiến thức về Marketing căn bản như tác động môi trường đến hoạt động marketing, lựa chọn các phân khúc thị trường; phân tích những chiến lược sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến nhằm thu hút khách hàng, phát triển thị trường trong môi trường cạnh tranh, ...;
- Cập nhật được các quy định, chính sách pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Trình bày và giải thích được các kiến thức về hoạt động Kinh doanh quốc tế trong thực tiễn đời sống xã hội.

#### **2.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành:**

- Xác định, mô tả và trình bày được kiến thức về hoạt động sản xuất kinh doanh, quy trình nghiệp vụ trong các lĩnh vực: Kế toán, tài chính, Quản trị nhân sự - hành chính, Quản trị dự án, Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị sản xuất và điều hành, Quản lý chất lượng và Thương mại điện tử, ...;
- Giải thích được các vấn đề liên quan về: Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị hành chính văn phòng áp dụng trong thực tiễn liên quan đến các công tác quản lý hành chính – nhân sự tại doanh nghiệp;
- Giải thích được các vấn đề liên quan về: Quản lý tài chính - dự án đầu tư,... áp dụng trong thực tiễn liên quan đến các công tác quản lý doanh nghiệp, triển khai dự án đầu tư;
- Giải thích được các kiến thức về Quản trị bán hàng, Thương mại điện tử để có thể áp dụng trong thực tiễn liên quan đến các công việc kinh doanh, bán hàng;
- Giải thích được các kiến thức về Chuỗi cung ứng, Quản trị xuất nhập khẩu để có thể áp dụng trong thực tiễn liên quan đến các công việc kinh doanh, xuất nhập khẩu;
- Giải thích được các kiến thức về Quản trị sản xuất và điều hành, Quản lý chất lượng, Tổ chức lao động khoa học để có thể áp dụng trong thực tiễn liên quan đến các công việc tổ chức, điều độ sản xuất;
- Giải thích được việc lựa chọn các phương thức khởi sự kinh doanh phù hợp với thực tiễn doanh nghiệp.

#### **2.2.2. Kỹ năng:**

##### **2.2.2.1. Kỹ năng cứng:**

- Giải quyết được các tình huống quản trị đơn giản và thực hiện các nghiệp vụ điều hành doanh nghiệp cơ bản trong thực tế;
- Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ theo đúng quy trình chiến lược kinh doanh và kế hoạch sản xuất vận hành của doanh nghiệp;
- Triển khai được các phương pháp quản lý thay đổi và kiểm soát các yếu tố tác động đến sự thay đổi trong doanh nghiệp;
- Thiết lập và tạo lập được doanh nghiệp mới dựa trên việc tìm kiếm cơ hội và tuân thủ các quy định pháp luật;
- Thực hiện được các hoạt động kinh doanh quốc tế và tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật kinh tế hiện hành;
- Vận dụng được các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội trong mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;



- Sử dụng thành thạo các công cụ giao tiếp (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) và ngoại ngữ chuyên ngành trong các công việc chuyên môn;
- Triển khai được các chính sách Marketing-mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) và vận hành hệ thống tiêu thụ sản phẩm vào một doanh nghiệp cụ thể;
- Thực hiện được quy trình quản trị quan hệ khách hàng và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng một cách hiệu quả;
- Vận dụng được các kỹ năng bán hàng vào từng bước của quy trình bán hàng thực tế để thuyết phục khách hàng và hoàn thành chỉ tiêu doanh số;
- Ứng dụng được kiến thức thương mại điện tử để triển khai quy trình đặt hàng, thanh toán và giao hàng qua các phương tiện điện tử;
- Tính toán được các chỉ tiêu kinh tế thông dụng, các mức lao động và xác định trạng thái cân bằng, điểm tối ưu trong sản xuất và tiêu dùng;
- Vận dụng được kiến thức kế toán và thống kê vào các hoạt động quản lý thực tế của doanh nghiệp;
- Thực hiện được việc tính toán, phân tích và kiểm soát các hoạt động tài chính cơ bản trong doanh nghiệp;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện được các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, bao gồm cả việc xác định các yếu tố điều kiện làm việc ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.
- Thực hiện được việc sắp xếp, cập nhật và lưu trữ hồ sơ quản lý hành chính văn phòng theo đúng quy chuẩn;
- Thực hiện được các phương pháp quản lý thời gian, tiến độ, phân bổ nguồn lực, chi phí cũng như quản lý rủi ro cho dự án;
- Thực hiện và kiểm soát được quy trình nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ tại doanh nghiệp;
- Triển khai được các nghiệp vụ chuyên môn trong chuỗi cung ứng và hoạt động tác nghiệp xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

#### **2.2.2.2. Kỹ năng mềm:**

- Thực hiện được việc giao tiếp, đàm phán hiệu quả với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp; hòa nhập được vào các môi trường làm việc khác nhau;
- Ứng dụng được tiếng Anh vào công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Truyền đạt, chuyển tải thông tin chính xác thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;
- Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, làm việc nhóm và quản lý thời gian hiệu quả; thích nghi với môi trường làm việc trong tương lai.

#### **2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại doanh nghiệp, đơn vị;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc với cộng đồng xã hội; có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;



- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;
- Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;
- Làm việc có phương pháp khoa học có tính tổ chức kỷ luật và trách nhiệm với công việc; biết phân tích, giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm, cải tiến công việc được giao; có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, biết đoàn kết và phối hợp, hợp tác, tự tin, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp trong công việc;
- Thích ứng được được với sự thay đổi của khoa học công nghệ và các môi trường làm việc khác nhau.

### 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- (1) Kinh doanh;
- (2) Marketing;
- (3) Hành chính;
- (4) Nhân sự;
- (5) Trợ lý;
- (6) Khởi tạo và quản lý doanh nghiệp nhỏ.

### 4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2055 giờ, (tương đương 86 tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 35
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ, (tương đương 19 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1620 giờ (tương đương 67 tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 667 giờ ( 32,5 %)
- Khối lượng thực hành, thực tập: 1388 giờ (67,5 %).

### 5. Bảng tổng hợp năng lực ngành, nghề:

| TT       | Mã năng lực            | Tên năng lực                                                                                                                                                     |
|----------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Năng lực cơ bản</b> |                                                                                                                                                                  |
| 1        | NLCB-01                | Rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp Luật của Nhà nước                                 |
| 2        | NLCB-02                | Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật                                                                                                          |
| 3        | NLCB-03                | Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác. |
| 4        | NLCB-04                | Vận dụng kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.       |
| 5        | NLCB-05                | Sử dụng ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;      |



|            |                          |                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6          | NLCB-06                  | Sử dụng ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.                                                                                  |
| 7          | NLCB-07                  | Ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và làm việc                                                                                                                                                                             |
| <b>II</b>  | <b>Năng lực cốt lõi</b>  |                                                                                                                                                                                                                                              |
| 8          | NLCL-01                  | Giải quyết tốt các tình huống quản trị đơn giản và có thể phát triển nghề nghiệp trên cơ sở vận dụng kiến thức quản trị học vào thực tiễn.                                                                                                   |
| 9          | NLCL-02                  | Xác định trạng thái cân bằng của thị trường, điểm tiêu dùng tối ưu của người tiêu dùng và điểm sản xuất tối ưu của doanh nghiệp; Tính toán các chỉ tiêu kinh tế thông dụng, phân tích được tác động của kinh tế đối với các chủ thể kinh tế. |
| 10         | NLCL-03                  | Phân tích nhu cầu khách hàng, thị trường, sản phẩm, môi trường. Thực hiện các chính sách marketing.                                                                                                                                          |
| 11         | NLCL-04                  | Thực hiện đúng các quy định pháp luật kinh tế.                                                                                                                                                                                               |
| 12         | NLCL-05                  | Phân tích các hoạt động liên quan đến kinh doanh quốc tế trong nền kinh tế hiện nay.                                                                                                                                                         |
| 13         | NLCL-06                  | Sử dụng tốt các công cụ giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong kinh doanh.                                                                                                                                                                 |
| <b>III</b> | <b>Năng lực nâng cao</b> |                                                                                                                                                                                                                                              |
| 14         | NLNC-01                  | Sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành khi thực hiện các công việc chuyên môn của ngành, nghề.                                                                                                                                                       |
| 15         | NLNC-02                  | Ứng dụng các kỹ năng bán trong từng bước của quá trình bán hàng để thuyết phục khách hàng, bán được hàng.                                                                                                                                    |
| 16         | NLNC-03                  | Ứng dụng các kiến thức thương mại điện tử vào việc triển khai các phương tiện điện tử trong quy trình kinh doanh: đặt hàng, thanh toán và giao hàng... trong doanh nghiệp                                                                    |
| 17         | NLNC-04                  | Vận dụng kiến thức kế toán vào hoạt động quản lý doanh nghiệp.                                                                                                                                                                               |
| 18         | NLNC-05                  | Vận dụng kiến thức thống kê vào hoạt động quản lý doanh nghiệp                                                                                                                                                                               |
| 19         | NLNC-06                  | Tìm kiếm cơ hội, lựa chọn và tạo lập doanh nghiệp theo quy định pháp luật.                                                                                                                                                                   |
| 20         | NLNC-07                  | Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo quy trình chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp                                                                                                                                                      |
| 21         | NLNC-08                  | Vận hành được hệ thống tiêu thụ sản phẩm, triển khai các chiến lược Marketing-mix (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) vào doanh nghiệp cụ thể                                                                                               |
| 22         | NLNC-09                  | Thực hiện tốt cách thức tổ chức thực hiện hoạt động quản trị quan hệ khách hàng; Giải quyết những khiếu nại, thắc mắc của khách hàng.                                                                                                        |
| 23         | NLNC-10                  | Xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động quản trị nguồn nhân lực                                                                                                                                                                |



|    |         |                                                                                                                                       |
|----|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 24 | NLNC-11 | Thực hiện, sắp xếp, cập nhật, lưu trữ hồ sơ trong quản lý hành chính văn phòng.                                                       |
| 25 | NLNC-12 | Tính toán, phân tích và kiểm soát các hoạt động tài chính cơ bản                                                                      |
| 26 | NLNC-13 | Phân tích và lập dự án, các phương pháp quản lý thời gian và tiến độ dự án, phân bổ nguồn lực, quản lý chi phí, quản lý rủi ro dự án. |
| 27 | NLNC-14 | Thực hiện theo kế hoạch sản xuất vận hành trong doanh nghiệp.                                                                         |
| 28 | NLNC-15 | Thực hiện, kiểm soát, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp.                                                         |
| 29 | NLNC-16 | Thực hiện các nghiệp vụ liên quan trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.                                                              |
| 30 | NLNC-17 | Thực hiện hoạt động chuyên môn như Nhân sự, sản xuất, bán hàng và marketing tại doanh nghiệp                                          |
| 31 | NLNC-18 | Thực hiện được các công việc, nghiệp vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp cơ bản đang diễn ra tại thực tế doanh nghiệp                  |
| 32 | NLNC-19 | Thực hiện các hoạt động tác nghiệp về xuất nhập khẩu ở doanh nghiệp.                                                                  |
| 33 | NLNC-20 | Tuân thủ đạo đức, trách nhiệm xã hội trong hoạt động kinh doanh                                                                       |
| 34 | NLNC-21 | Phân tích các yếu tố thay đổi và quản lý thay đổi trong doanh nghiệp                                                                  |
| 35 | NLNC-22 | Xác định các mức lao động và các yếu tố điều kiện làm việc ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.                                 |

## 6. Nội dung chương trình:

| Mã môn      | Tên môn học/mô đun                    | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) |            |                                          |           |
|-------------|---------------------------------------|------------|-------------------------|------------|------------------------------------------|-----------|
|             |                                       |            | Tổng số                 | Trong đó   |                                          |           |
|             |                                       |            |                         | Lý thuyết  | Thực hành/<br>thực tập/bài tập/thảo luận | Kiểm tra  |
| <b>I</b>    | <b>Các môn học chung</b>              | <b>19</b>  | <b>435</b>              | <b>157</b> | <b>257</b>                               | <b>21</b> |
| MH3108021   | Giáo dục chính trị                    | 5          | 75                      | 41         | 29                                       | 5         |
| MH3108103   | Pháp Luật                             | 2          | 30                      | 18         | 10                                       | 2         |
| MH3109105   | Giáo dục thể chất                     | 2          | 60                      | 5          | 51                                       | 4         |
| MH3109022   | Giáo dục Quốc phòng và an ninh*       | 3          | 75                      | 36         | 35                                       | 4         |
| MH3107260   | Tiếng Anh 1                           | 2          | 60                      | 22         | 36                                       | 2         |
| MH3107261   | Tiếng Anh 2                           | 2          | 60                      | 20         | 38                                       | 2         |
| MH3101260   | Tin học                               | 3          | 75                      | 15         | 58                                       | 2         |
| <b>II</b>   | <b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b> | <b>67</b>  | <b>1620</b>             | <b>510</b> | <b>1051</b>                              | <b>59</b> |
| <b>II.1</b> | <b>Môn học, mô đun cơ sở</b>          | <b>13</b>  | <b>300</b>              | <b>90</b>  | <b>197</b>                               | <b>13</b> |
| MH3042652   | Quản trị học                          | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |
| MH3142660   | Kinh tế học                           | 3          | 75                      | 15         | 57                                       | 3         |
| MH3142618   | Marketing Căn bản                     | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |
| MH3042627   | Luật kinh tế                          | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |



| Mã môn           | Tên môn học/mô đun                         | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) |            |                                          |           |
|------------------|--------------------------------------------|------------|-------------------------|------------|------------------------------------------|-----------|
|                  |                                            |            | Tổng số                 | Trong đó   |                                          |           |
|                  |                                            |            |                         | Lý thuyết  | Thực hành/<br>thực tập/bài tập/thảo luận | Kiểm tra  |
| MH3142661        | Kinh doanh quốc tế                         | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |
| MH3142619        | Giao tiếp trong kinh doanh                 | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |
| <b>II.2</b>      | <b>Môn học, mô đun chuyên môn bắt buộc</b> | <b>51</b>  | <b>1260</b>             | <b>390</b> | <b>827</b>                               | <b>43</b> |
| MH3142662        | Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |
| MĐ3142629        | Kỹ năng bán hàng                           | 3          | 75                      | 15         | 57                                       | 3         |
| MH3142659        | Thương mại điện tử                         | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142663        | Kế toán quản lý doanh nghiệp               | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142664        | Thông kê quản lý doanh nghiệp              | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MĐ3142622        | Khởi sự kinh doanh                         | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |
| MH3142665        | Quản trị chiến lược                        | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142624        | Quản trị Marketing                         | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |
| MH3142627        | Quản trị quan hệ khách hàng                | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |
| MH3142640        | Quản trị nguồn nhân lực                    | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142620        | Quản trị hành chính văn phòng              | 2          | 45                      | 15         | 28                                       | 2         |
| MH3142666        | Quản trị tài chính doanh nghiệp            | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142667        | Quản trị dự án                             | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142668        | Quản trị sản xuất và điều hành             | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142669        | Quản trị chất lượng                        | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142644        | Quản trị Chuỗi cung ứng                    | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MĐ3142670        | Thực tập doanh nghiệp 1                    | 2          | 90                      | 0          | 90                                       | 0         |
| MĐ3142671        | Thực tập doanh nghiệp 2                    | 6          | 270                     | 0          | 270                                      | 0         |
| <b>II.3</b>      | <b>Môn học, mô đun tự chọn</b>             | <b>3</b>   | <b>60</b>               | <b>30</b>  | <b>27</b>                                | <b>3</b>  |
| MH3142672        | Quản trị Xuất nhập khẩu                    | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142673        | Đạo đức kinh doanh                         | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142674        | Quản trị sự thay đổi                       | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| MH3142675        | Tổ chức lao động khoa học                  | 3          | 60                      | 30         | 27                                       | 3         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                            | <b>86</b>  | <b>2055</b>             | <b>667</b> | <b>1308</b>                              | <b>80</b> |

## 7. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

### 7.1. Các môn học chung thực hiện theo quy định hiện hành

- Khối lượng học tập đối với các môn học chung theo quy định được quy đổi thành tín chỉ tại Phụ lục 05 của Thông tư 01/2024/TT-BLĐTĐBXH ngày 19 tháng 2 năm 2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Môn Giáo dục Chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Môn Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;



- Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Môn Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Môn Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

## 7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ của Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Việc tổ chức giảng dạy các môn học, mô đun được thực hiện theo Kế hoạch phân bổ môn học, mô đun (đính kèm).

## 7.3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun:

- Phương pháp, thời gian tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng chương trình môn học, chương trình mô đun.

- Thời gian kiểm tra lý thuyết tính vào giờ lý thuyết; thời gian kiểm tra bài tập, thực hành, tích hợp tính vào giờ thực hành.

## 7.4. Thực tập tại doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp:

Người học phải tích lũy từ 2/3 tổng số tín chỉ trở lên mới được đi thực tập doanh nghiệp 2.

## 7.5. Xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại quy chế đào tạo hiện hành thì mới được xét tốt nghiệp.

- Ngoài những môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, người học cần phải đạt chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm theo quy định của nhà trường.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp và các qui định liên quan để xét cấp bằng tốt nghiệp và công nhận cho người học "Danh hiệu kỹ sư thực hành" hoặc "Danh hiệu cử nhân thực hành" theo qui định.

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



*Phan Văn Thanh Cẩn*

**L. TRƯỞNG PHÒNG  
QLĐT & NCKH**

*Nguyễn Lưu Minh Triết*

Nguyễn Lưu Minh Triết

**TRƯỞNG KHOA**

*Nguyễn Thị Mỹ Hạnh*

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

